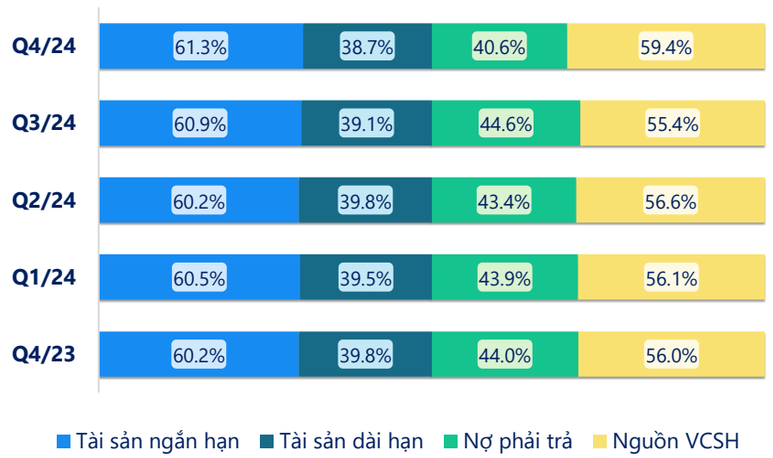
FireAnt

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	5,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	64,245,281
KLGD BQ 20 phiên (CP)	374,570
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	373
P/E	-16.6
EPS	-349

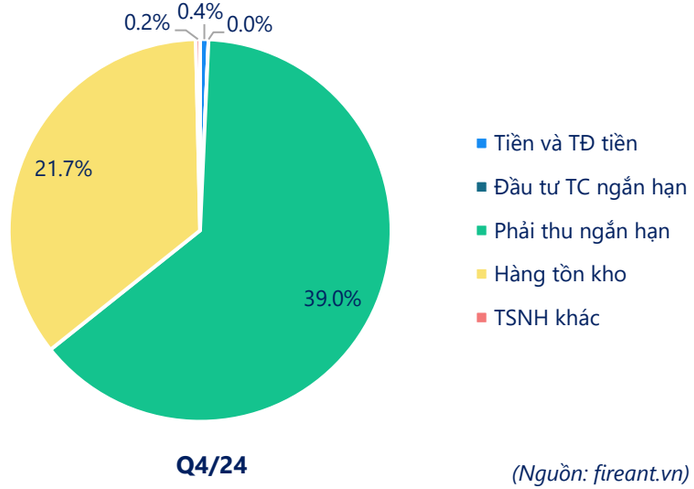
	YTD	1T	3T	6T
FIR	12.6%	-5.7%	-18.9%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

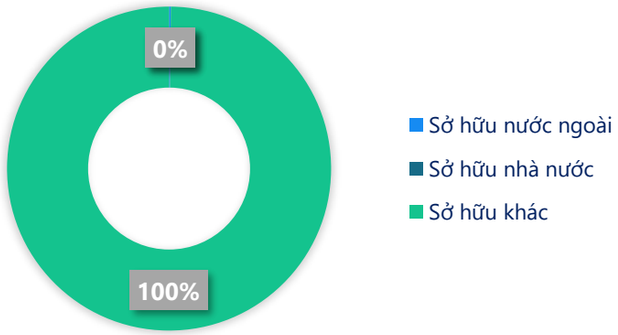
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/24

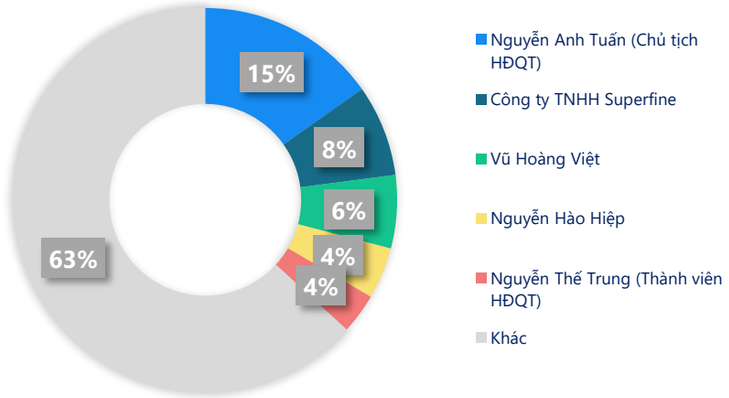
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



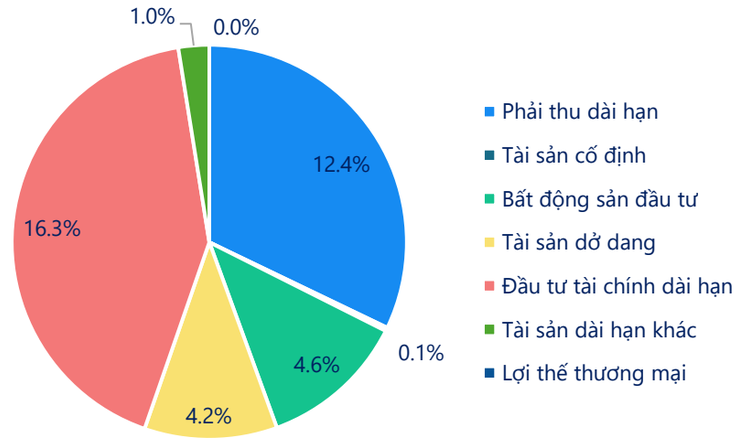
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



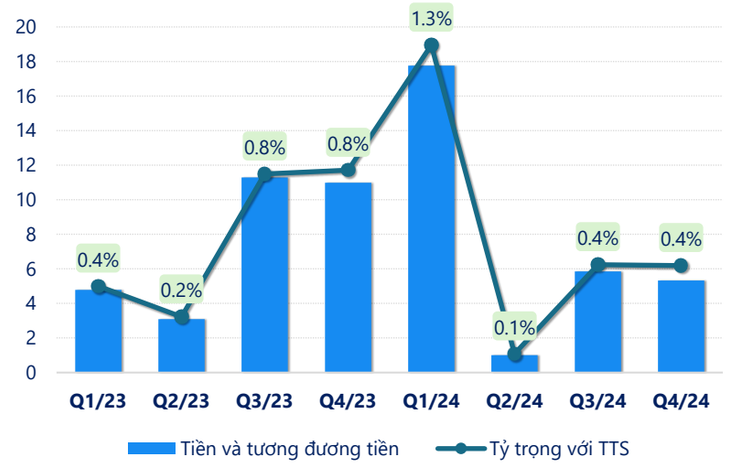
Q4/24

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

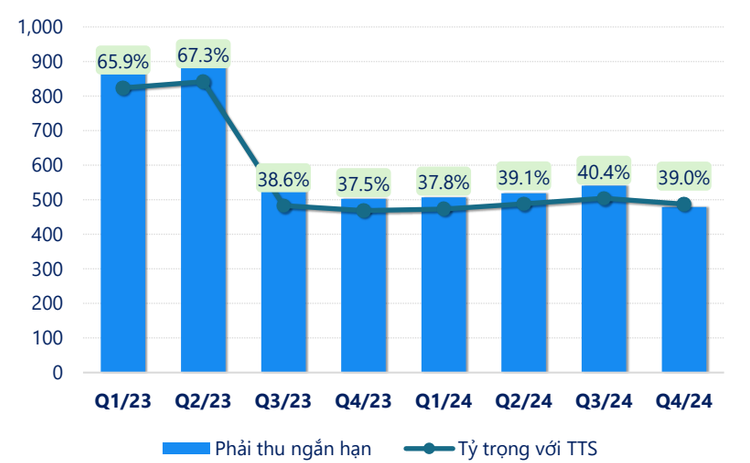
CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Tiền và tương đương tiền



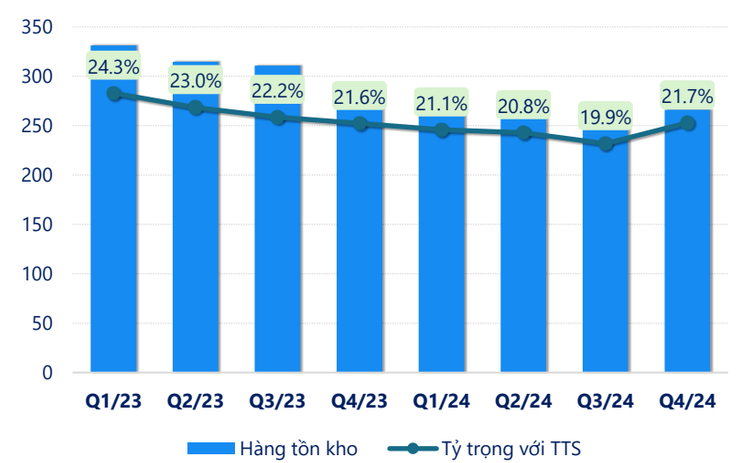
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



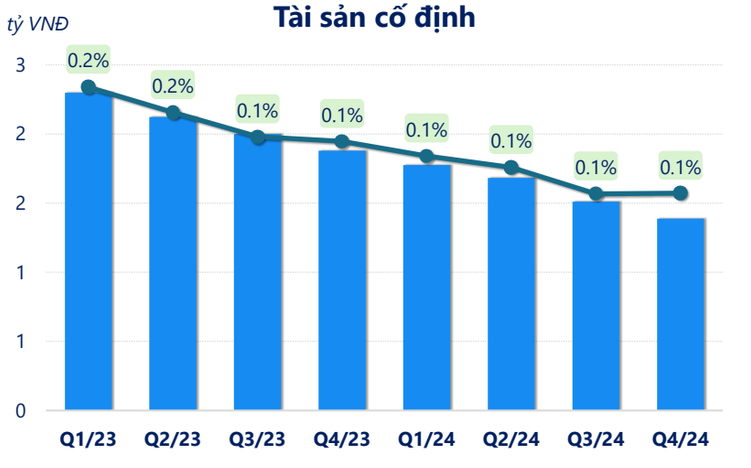
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



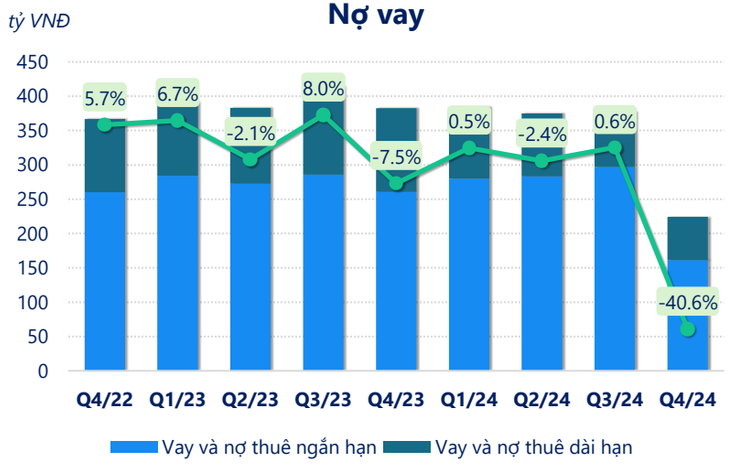
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



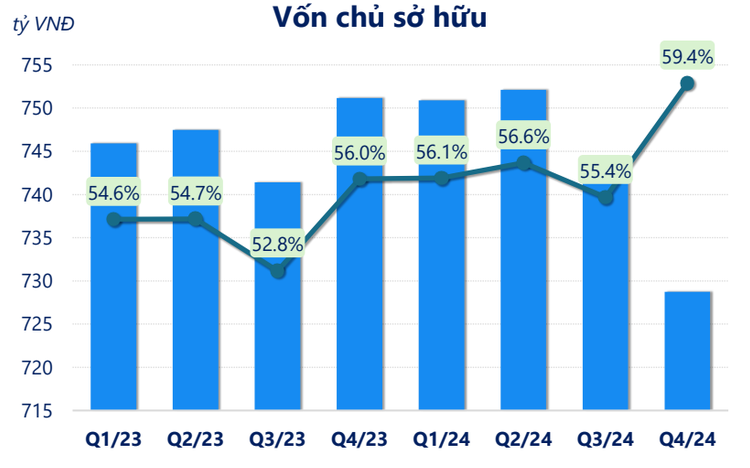
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

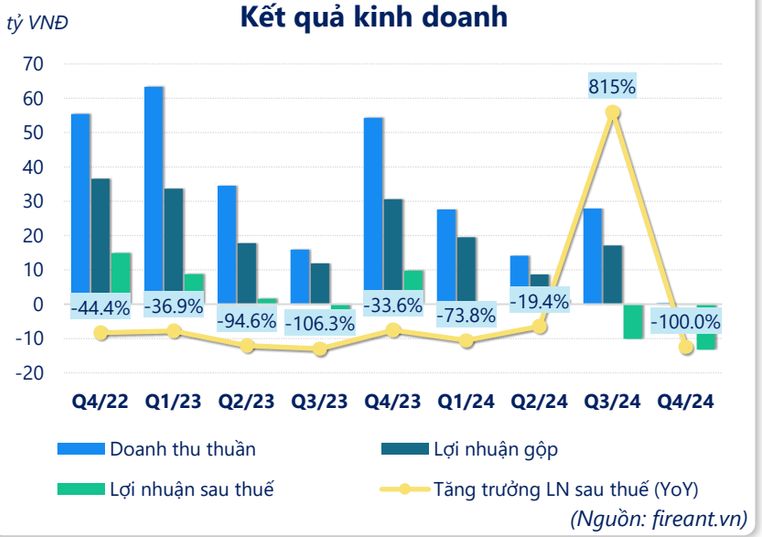


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

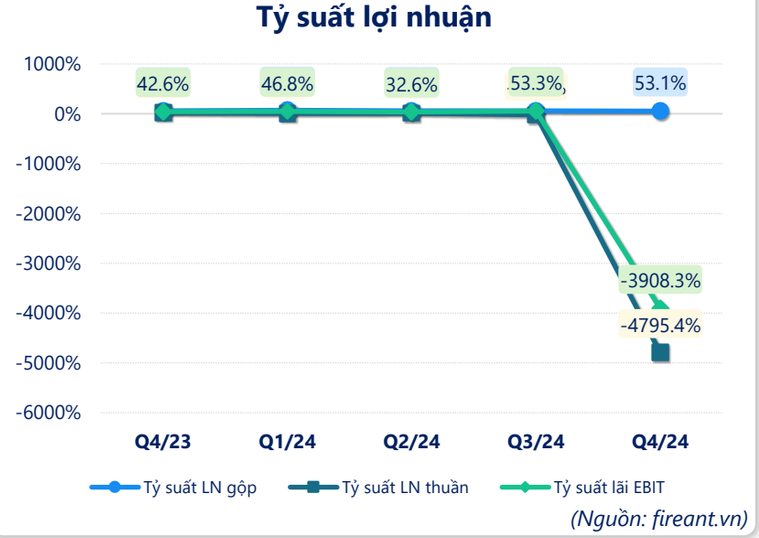
CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Kết quả kinh doanh



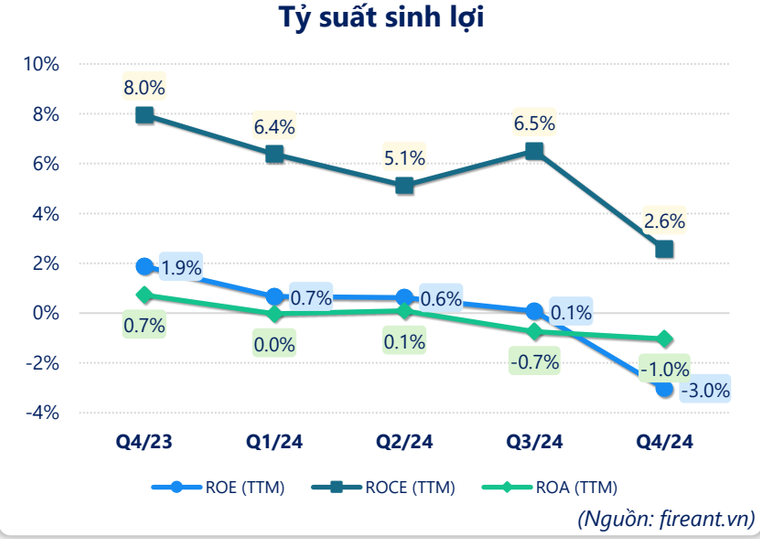
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



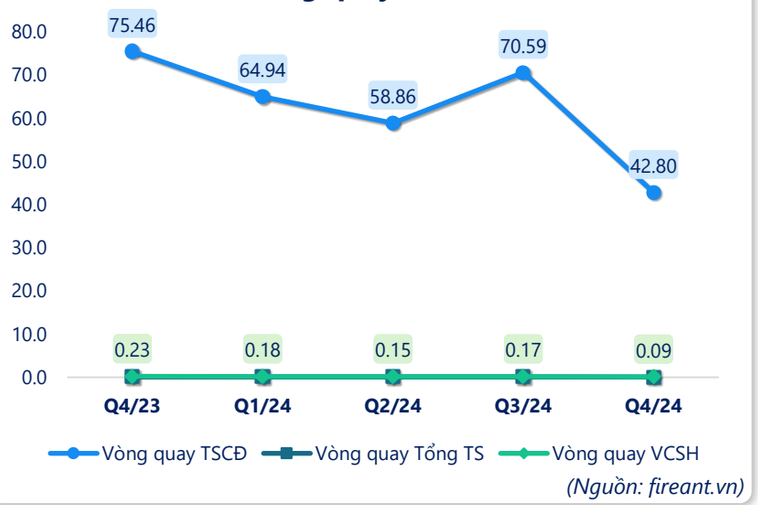
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



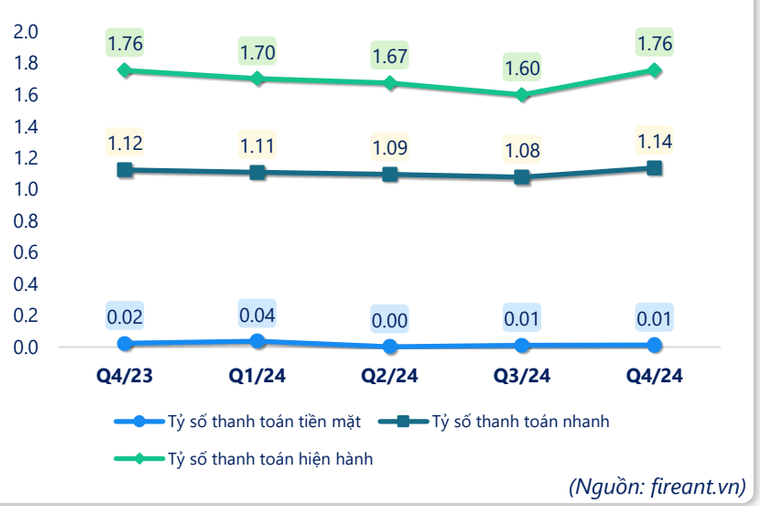
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



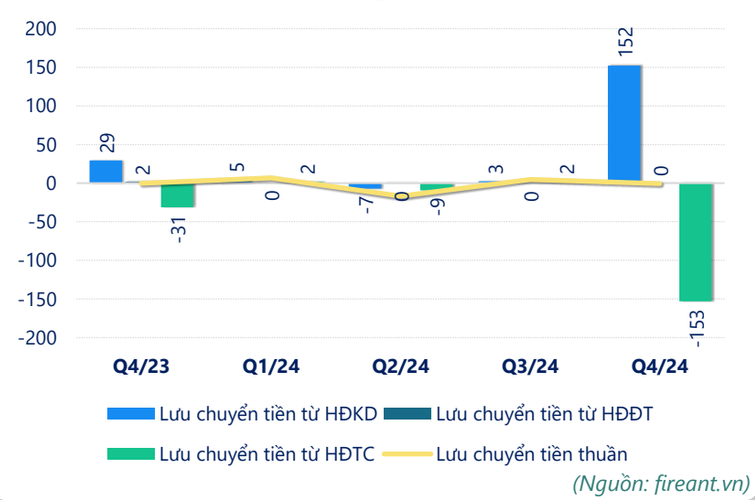
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,227**	**1,340**	**-8.4%**
Tài sản ngắn hạn	753	806	-6.6%
Tiền và tương đương tiền	5.32	11.0	-51.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	479	503	-4.7%
Hàng tồn kho	266	290	-8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.73	2.90	-5.9%
Tài sản dài hạn	**474**	**534**	**-11.1%**
Phải thu dài hạn	152	210	-27.4%
Tài sản cố định	1.39	1.88	-26.1%
Bất động sản đầu tư	57.0	57.6	-0.9%
Tài sản dở dang	51.6	51.3	0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	200	200	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**12.0**	**13.0**	**-7.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	499	589	-15.4%
Nợ ngắn hạn	**428**	**459**	**-6.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	161	261	-38.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.19	1.24	-3.6%
Nợ dài hạn	70.2	130	-45.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	62.8	122	-48.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**729**	**751**	**-3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**729**	**751**	**-3.0%**
Vốn điều lệ	642	642	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	54.3	27.6	14.1	27.9	0.28
Giá vốn hàng bán	23.8	8.15	5.50	10.7	0.13
Lợi nhuận gộp	30.6	19.5	8.64	17.1	0.15
Doanh thu HĐTC	0.00	0.02	0.00	0.02	0.00
Chi phí TC	10.7	12.0	3.06	21.2	2.46
Chi phí lãi vay	11.0	11.8	3.06	21.2	2.46
LN trong công ty LKLD	0	-0.50	0	0.54	0
Chi phí bán hàng	3.68	0.91	0.27	0.01	0.37
Chi phí QLDN	3.94	4.96	3.58	2.82	10.6
LN thuần từ HĐKD	12.2	1.13	1.74	-6.38	-13.3
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.07	-0.18	0.00	-0.01
LN trước thuế	12.2	1.06	1.56	-6.38	-13.3
Lợi nhuận sau thuế	9.73	-0.25	1.21	-10.1	-13.3
LNST của CĐ cty mẹ	9.73	-0.25	1.21	-10.1	-13.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	29.3	4.91	-7.16	2.63	152
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.58	0.00	-0.21	-0.07	0.15
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.2	1.87	-9.38	2.28	-153
Tiền đầu kỳ	11.3	11.0	17.8	1.01	5.86
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.30**	**6.78**	**-16.8**	**4.85**	**-0.53**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.0	17.8	1.01	5.86	5.32

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic